

MỞ ĐẦU

Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước nói chung cũng như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh nói riêng.

Qua 46 năm triển khai thực hiện công tác dân số, đặc biệt kể từ khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình và 07 năm thực hiện chiến lược dân số giai đoạn 2001 - 2010, công tác dân số đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần đáng kể vào việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Mặc dù tốc độ gia tăng dân số quá nhanh đã được kiềm chế, tổng tỷ suất sinh tiến tới mức sinh thay thế, song cơ cấu dân số đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già, chất lượng dân số thấp và phân bố dân cư bất hợp lý. Nhằm thể chế hoá đường lối, chủ trương chính sách dân số mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã chỉ ra “ Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hoá gia đình, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn lực”.

Từ năm 2001 đến nay, sau khi thực hiện thắng lợi chiến lược dân số - kế hoạch hoá gia đình (DS - KHHGĐ) tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2000, cùng với sự hướng dẫn của chương trình dân số từ quy mô sang chất lượng, đồng thời với sự chỉ đạo hợp nhất hai ngành DS - KHHGĐ và Bảo vệ chăm sóc trẻ em (BVCSTE); Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủyban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em 2001 - 2010 và ban hành một số nghị quyết khác.

Việc cụ thể hoá Nghị quyết của Đảng, phê duyệt chiến lược, ban hành tạm thời một số chính sách DS-KHHGĐ thể hiện sự quyết tâm, sự quan tâm của tỉnh, đồng thời tạo môi trường pháp lý thuận lợi để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi công tác DS-KHHGĐ. Quy mô gia đình ít con được đông đảo nhân dân ủng hộ. Quan niệm về hôn nhân gia đình và sinh đẻ có kế hoạch trong nhân dân đã có sự chuyển biến.

Tuy vậy, công tác DS-KHHGĐ cũng đang gặp những khó khăn và thách thức như: Giảm sinh chưa vững chắc, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên còn cao, chất lượng dân số còn thấp, cơ cấu phát triển dân số còn bất hợp lý, một số bộ phận người dân

chưa nhận thức đúng đắn về công tác DS-KHHGD chủ yếu tập trung vào những vùng nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng giáo và thậm chí cả cán bộ đảng viên còn sinh thêm con, làm cho tỷ lệ gia tăng dân số ở Hà Tĩnh đã có những đột biến đáng báo động và sau khi Pháp lệnh dân số được ban hành, do việc truyền chưa toàn diện còn thiên lệch một chiều, thiếu định hướng kịp thời, một số bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu không đúng tinh thần của Pháp lệnh, cho đến nay nhiều người vẫn còn băn khoăn chưa hiểu hết bản chất của Pháp lệnh Dân số, hiện tượng sinh thêm con vẫn còn.

Làm thế nào để hạn chế tình trạng này? Với những kiến thức cơ bản về quản lý Nhà Nước mà tôi đã thu nhận trong thời gian tham gia khoá học và bằng những hiểu biết của mình trong lĩnh vực Dân số, Gia đình và trẻ em, hi vọng sẽ góp phần nhỏ vào việc giải quyết thực trạng trên. Tôi chọn đề tài ‘**Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực DS- KHHGD**’ để viết tiểu luận. Đây cũng chính là mục tiêu mà ngành Dân số, Gia đình và trẻ em đang phấn đấu trong những năm tới.

PHẦN 1: DIỄN BIẾN CÂU CHUYỆN TÌNH HUỐNG

Sau khi pháp lệnh dân số được ban hành đã xuất hiện tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu không đúng nội dung của pháp lệnh (Chủ yếu tại điều tại điều 10 của Pháp lệnh) là: “Bây giờ Nhà nước cho đẻ thoải mái” “ai sinh con một bề cho sinh con thứ 3”... Dư luận cho rằng một số cơ quan, địa phương đã buông lỏng việc thực hiện chính sách DS-KHHGD có nhiều người đã sinh con thứ 3, đặc biệt một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền sinh con thứ 3 nhưng không bị xử lý, thậm chí còn được thăng quan tiến chức. Làm thế nào để hạn chế tình trạng này? cần giải quyết như thế nào?

PHẦN II: PHÂN TÍCH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN:

Cũng như những Quốc gia khác, Việt Nam đang đương đầu với mâu thuẫn của sự tăng trưởng dân số với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, chính vì vậy vấn đề dân số có quan hệ mật thiết, chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống chính sách dân số là một bộ phận của chiến lược phát triển xã hội. Sự phát triển xã hội không chỉ dựa trên sự điều tiết của Nhà nước về các khoản thu nhập và phân bổ lại nguồn thu nhập, điều quan trọng là Nhà nước phải thành lập,

đưa ra các chính sách, quy chế, quy tắc để đảm bảo cho mọi người thể tiếp cận được với các điều kiện giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các loại hình giúp đỡ khác của xã hội để mọi người có thể hoàn thiện chính mình, gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình phát triển của đất nước, do đó chiến lược phát triển của xã hội phải gắn liền một cách hữu cơ với chính sách phát triển kinh tế văn hoá, dân số và bảo vệ môi trường. Với mục tiêu ổn định dân số là quốc sách của Nhà nước, chính sách về DS-KHHGD có một vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và toàn xã hội.

Trong quản lý nhà nước, vai trò của DS-KHHGD ở tầm vĩ mô được thể hiện ở các nội dung như xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án trình Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo thực hiện, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, văn bản dưới luật, chính sách về DS-KHHGD để trình Chính phủ.

Trong những năm qua, công tác DS-KHHGD đã chuyển biến rõ rệt về cả nhận thức và tổ chức thực hiện, tỷ lệ phát triển Dân số đã giảm từ mức 3% xuống mức 1,6%, tuy nhiên quy mô Dân số vẫn ngày càng tăng lớn. Cơ cấu dân số trẻ, số trẻ em dưới 15 tuổi vẫn ở mức cao. Phân bố dân số không đồng đều và không hợp lý, chất lượng dân số còn thấp. Đây cũng là những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống. Việc ra đời của Pháp lệnh dân số là nhằm mục đích điều chỉnh quy mô dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân số góp phần nâng cao chất lượng dân số để đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Pháp lệnh Dân số là văn bản quy phạm pháp quy có tính pháp lý cao nhất từ trước đến nay. Việc thực hiện pháp lệnh là trách nhiệm của chính quyền Nhà nước các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước. Dưới sự chỉ đạo hướng dẫn của Nhà nước mà trực tiếp là Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm tổ chức, điều hành việc thực hiện Pháp lệnh dân số trên địa bàn của mình.

II. NGUYÊN NHÂN TÌNH HUỐNG:

Ngay sau khi pháp lệnh Dân số được ban hành xuất hiện tình trạng như đã nêu ở trên. chính vì vậy trong những năm 2003-2005 tỷ lệ người sinh con thứ 3 tăng

vọt đột biến, theo báo cáo của Ủy ban Dân số, Gia đình & trẻ em Việt nam hiện nay mức sinh đang tăng trở lại ở 39 Tỉnh và Thành phố trong đó có tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên nhân vì đâu?

Một là, kế hoạch hoá gia đình (KHHGD) là vấn đề nhạy cảm, trong lúc đó Pháp lệnh dân số ban hành chậm so với thời điểm công bố dự thảo. Việc ban hành Nghị định 104 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh cũng quá chậm (9 tháng sau khi ban hành pháp lệnh mới có nghị định). Trong lúc đó cách trình bày văn phong hành chính tại điều 10 của Pháp lệnh chưa chặt chẽ và rõ ràng. Cho nên một số bộ phận nhân dân thậm chí cả cán bộ, đảng viên hiểu chưa đúng, chưa đầy đủ, thậm chí còn cố tình hiểu sai về “Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện KHHGD”. Pháp lệnh đã trở thành một nguyên cớ để một số người vịn vào đó mà đẻ con thứ 3. Lẽ ra phải hiểu rằng quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh của mỗi cặp vợ chồng và các cá nhân không đồng nhất với việc tùy tiện sinh con sớm, sinh dày và sinh bao nhiêu con, tùy ý muốn chủ quan của mình. Pháp lệnh dành cho mỗi cặp vợ chồng và cá nhân quyết định về thời gian sinh con, số con khoảng cách giữa các lần sinh nhưng phải phù hợp với tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng được Pháp lệnh công nhận. Tuy nhiên cũng cần nói thêm rằng, việc nêu quyền sinh con là đúng nhưng cần phải hiểu rõ về “Quyền” ở đây thế nào cho đúng và phân nghĩa vụ của cặp vợ chồng và cá nhân trong việc sinh con nên được trình bày ngay sau đó (ở đây lật thêm nhiều trang nữa mới đến phần này). Vì thế cho nên đây là cơ hội “Lý tưởng” cho một số cặp vợ chồng, cá nhân sinh thêm con thứ 3 thỏa mãn với quan niệm cổ hủ “có nếp, có tẻ”, “có con trai để nối dõi, đông con hơn đông của”...

Hai là, một số nơi tư tưởng chủ quan, thỏa mãn với kết quả giảm sinh đã xuất hiện nhưng cấp uỷ chính quyền địa phương, đơn vị chưa có biện pháp hữu hiệu để giảm số người sinh trên 2 con.

Ba là, công tác tuyên truyền, vận động chưa tốt, chưa đầy mạnh, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng, truyền thông chưa gắn với vận động nên chưa làm thay đổi hành vi trong việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp tránh thai.

Bốn là, việc đáp ứng dịch vụ chưa tốt, chưa thuận tiện nhất nhất là đối với những người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và vùng khó khăn.

Năm là, nhân dân ta chưa thấy được áp lực trong đáp ứng các dịch vụ xã hội như trường học, y tế, giao thông môi trường, chưa thấy được hết tác hại của chất

lượng dân số thấp, chưa thấy được quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người, mỗi gia đình và cộng đồng đối với xã hội, vì vậy họ chưa thực sự tự nguyện trong việc thực hiện mô hình gia đình ít con.

III. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN:

Trước tình hình như đã nêu ở trên là “..... có nhiều người đã sinh con thứ 3 đặc biệt có một số cán bộ, Đảng viên có chức, có quyền sinh con thứ 3 vẫn không bị xử lý, thậm chí còn được thăng quan tiến chức” làm thế nào để hạn chế tình trạng này?. sau đây là một số phương án.

*** Phương án 1:**

Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ngay một văn bản pháp quy để thể chế hoá Pháp lệnh và Nghị định về dân số, quy định chế tài xử phạt cụ thể trong các trường hợp sinh con thứ 3.

*** Phương án 2:**

Phải cương quyết thực hiện đồng thời các biện pháp một cách mạnh mẽ bao gồm:

- Tăng cường lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp.
- Công tác tuyên truyền vận động.
- Xây dựng và củng cố bộ máy.
- Dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được đáp ứng.

*** Thực hiện các phương án trên sẽ có những thuận lợi và khó khăn sau:**

- Phương án 1:

+ Thuận lợi:

Văn bản này nếu có được sẽ là một giải pháp mạnh, hạn chế được việc sinh con thứ 3 nhất là trong đội ngũ cán bộ công nhân viên chức. Có một quy định rõ ràng về việc xử phạt, sẽ rất dễ dàng cho những người làm công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực DSKHHGD.

+ Khó khăn:

Quyết định 1196 QĐ/UB-VX quy định tạm thời một số chính sách về DS-KHHGD trong đó có quy định cụ thể về việc xử phạt các trường hợp sinh con thứ 3 nhưng đến nay nó không còn phù hợp nữa, tuy nhiên việc ra quyết định mới thay thế cho quyết định này đang còn khó khăn. Đó là phải ra được các điều khoản

phù hợp, không chồng chéo hoặc trái với những điều mà pháp luật quy định. Việc xử lý những người vi phạm sinh con thứ 3 đưa vào văn bản pháp quy mang tính nhà nước là điều khó làm. Chẳng hạn nếu quy định như trước đây những người sinh con thứ 3 là cán bộ công chức hoặc công nhân nhà máy, xí nghiệp sẽ bị đuổi việc, nhưng điều này lại trái với bộ luật lao động (trong các điều khoản để chấm dứt hợp đồng lao động không có điều khoản nào nói đến việc sinh con thứ 3 không nằm trong khu vực quản lý Nhà nước nên cũng khó khăn trong việc xử phạt. Một số người có thể sẵn sàng nộp phạt để sinh thêm con, nhưng cũng có trường hợp họ vẫn sinh thêm con mà không thu được phạt.

Về chế độ chính sách thì những hộ nghèo (thường sinh trên 3 con) được trợ cấp, được vay vốn... Nói tóm lại việc ra một văn bản pháp quy để quy định các chế tài xử phạt vẫn còn khó khăn bởi trong khi các Bộ luật, các chế độ, chính sách vẫn còn chưa đồng bộ.

- Phương án 2:

+Thuận lợi: Phương án này không có gì mới, lâu nay chúng ta vẫn làm và đã thu được nhiều kết quả. Nếu thực hiện đồng bộ các biện pháp và tập trung có hiệu quả thì sẽ có tính bền vững cao. Người dân sẽ có thay đổi nhận thức, từ thay đổi nhận thức đến thay đổi hành vi, mọi người tự nguyện thực tốt kế hoạch hoá gia đình (không sinh con thứ 3) vì nhận thức được lợi ích cho chính bản thân họ chứ không bị ràng buộc bởi chế tài bắt buộc. Đây cũng chính là mục tiêu mà chương trình DS-KHHGD cần phải đạt được. Phương án này có thuận lợi nữa là nó huy động được sự tham gia của nhiều tổ chức xã hội, dưới sự chỉ đạo của Đảng và Chính quyền địa phương các cấp, có cả một hệ thống bộ máy tổ chức chuyên trách để thực hiện các hoạt động: Tuyên truyền, tư vấn, cung cấp các biện pháp tránh thai giúp người dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình, không sinh con thêm.

+ Khó khăn:

Một số bộ phận người dân thậm chí (cả cán bộ, đảng viên vẫn còn có quan niệm cổ hủ “Phải có nếp, có tẻ” không muốn sinh con một bề, hoặc là nhất thiết phải có con trai, hoặc là “đông con hơn rậm của”... Vì vậy công tác tuyên truyền vận động phải kiên trì. Đời sống kinh tế - xã hội cũng có tác động không nhỏ đến nhu cầu sinh con. Giải quyết tốt điều kiện kinh tế - xã hội sẽ hạn chế việc sinh thêm con và ngược lại. Làm tốt công tác này cần phải có sự tham gia tích cực của nhiều ngành, nhiều đơn vị và tổ chức xã hội, nếu một mình ngành dân số, gia đình

và trẻ em cũng không làm được. Trong khi đó một số địa phương, cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền chưa thực sự quan tâm đến vấn đề DS-KHHGD.

Một số nơi đã bắt đầu xuất hiện thái độ chủ quan khi thấy mức sinh có chiều hướng giảm, bên cạnh đó cần quan tâm đến nguồn kinh phí, với một tỉnh nghèo chúng ta nói là quan tâm nhưng đầu tư nguồn lực quá ít thì rất khó khăn triển khai thực hiện.

Qua phân tích hai phương án trên chúng ta thấy rằng:

Nếu theo phương án 01 (Có ngay một văn bản pháp quy trong đó đưa ra các chế tài quy định hình thức xử phạt đối với các trường hợp sinh con thứ 3) thì rất dễ cho đơn vị quản lý Nhà nước thực thi. Tuy nhiên việc ra văn bản này lại hết sức khó khăn, vì nó đòi hỏi phải phù hợp, không được trái với các quy định khác của pháp luật.

Như vậy trong phương án 01 đang còn phải chờ đợi thời gian nghiên cứu thêm chưa khả thi.

Phương án 02 tuy phải thực hiện nhiều giải pháp nhưng chúng ta đã và đang làm.

Vấn đề ở đây là tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả hơn thì sẽ góp phần giải quyết tình trạng nêu trên.

IV. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp:

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cần có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trong trường hợp trên, nếu cán bộ đảng viên vi phạm (nhất là cán bộ có chức quyền, sinh con thứ 3 thì cần xem lại vai trò trách nhiệm của tổ chức Đảng, chính quyền sở tại).

Chỉ thị số 39 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ ban hành năm 2003 về tăng cường lãnh đạo công tác Dân số và Kế hoạch hoá gia đình trong tình hình mới mà cốt lõi là việc quán triệt và thực hiện tốt Pháp lệnh Dân số và Nghị quyết 104 của Chính phủ đã nêu rõ “Hàng năm các tổ chức Đảng, Chính quyền đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội các cấp lấy kết quả thực hiện chính sách dân số làm tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá, xếp loại đảng viên, cán bộ, công chức. Kiểm tra phát hiện và xử lý nghiêm túc những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) và chỉ thị 50 CT/T.Ư của Ban bí thư Trung ương Đảng,

xử lý theo Pháp lệnh những tổ chức và cá nhân vi phạm quy định của Pháp lệnh dân số và nghị định 104 của Chính phủ”.

Căn cứ vào các văn bản trên để xử lý nghiêm túc những cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm, đặc biệt là những cán bộ, đảng viên giữ chức vụ cao cần phải kiên quyết.

Đối với người dân cần có những biện pháp khác như không xét gia đình văn hoá, làng xã văn hoá. Đưa các quy định này vào hương ước làng xã để mọi người thực hiện.

Đồng thời phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Chính quyền địa phương các cấp bằng việc thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc, phát hiện kịp thời những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Pháp lệnh để có biện pháp giải quyết khắc phục kịp thời.

2. Công tác tuyên truyền vận động:

Chú trọng quán triệt và phổ biến cho mọi người dân đặc biệt là cán bộ Đảng, chính quyền địa phương hiểu rõ bản chất của Pháp lệnh. Việc tiến hành đồng thời thông qua nhiều hình thức khác nhau như lồng ghép vào các cuộc thi, các buổi sinh hoạt, các câu lạc bộ nói chuyện chuyên đề tư vấn, đối thoại, vận động trực tiếp các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, nam giới thanh niên và vị thành niên. Tập trung vào những địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội còn khó khăn và những đối tượng còn nhiều hạn chế về nhận thức. Các cơ quan truyền thông đại chúng ở tỉnh như đài phát thanh truyền hình, Báo Hà Tĩnh và các đài truyền thanh, truyền hình Huyện, Xã cần có các đợt tuyên truyền tập trung để được Pháp lệnh dân số đến được đông đảo người xem, người nghe trong toàn tỉnh.

3. Xây dựng và củng cố bộ máy

Hiện tại ở cấp Xã, Phường, thị trấn có ban Dân Số, Gia đình và Trẻ em do chủ tịch UBND xã, Phường Thị trấn làm trưởng ban, Đồng chí giúp việc cho trưởng ban là chuyên trách dân số. Mỗi thôn xóm được bố trí một cộng tác viên dân số, Gia đình và trẻ em. Bộ máy này cần được ổn định và tăng cường đào tạo để họ có thể làm việc tốt công tác tham mưu đồng thời trực tiếp tuyên truyền vận động người dân sở tại thực hiện tốt công tác DS -KHHGD.

4. Dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được đáp ứng

Tăng cường trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng nhu cầu cho đối tượng. Dịch vụ phải gần dân và thuận lợi cho họ. Vùng nông thôn nếu dịch vụ kỹ thuật không được cung cấp thường xuyên, một năm đội dịch vụ tuyến trên chỉ xuống một vài lần, nếu trùng vào mùa vụ thì người dân sẽ không thực hiện được và dù không muốn đi nhưng vẫn bị vớ kế hoạch do không có dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Ngành y tế đóng vai trò quyết định cho hoạt động này, bên cạnh đó cần có sự phối hợp tốt giữa Ủy Ban Dân số, Gia đình và Trẻ em để vận động đối tượng tham gia và chấp nhận thực kế hoạch hóa gia đình.

PHẦN III: KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu chiến lược dân số Hà Tĩnh giai đoạn 2001-2010. Xuất phát từ tình hình nhiệm vụ chung và tình hình công tác DS-KHHGD của Tỉnh, tôi xin có một số kiến nghị đề xuất như sau:

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cần làm rõ việc tăng đột biến dân số, nhất là việc sinh con thứ 3.

2. Có biện pháp xử lý nghiêm đối với tập thể, cá nhân, cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền vi phạm sinh con thứ 3 theo tinh thần chỉ thị 39 của Ban thường vụ Tỉnh ủy và chỉ thị 50 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

3. Động viên kịp thời những tập thể cá nhân thực hiện tốt công tác DS-KHHGD.

4. UBND các huyện phải phân công cán bộ xuống tận xã, phường, thôn xóm để tuyên truyền quần chúng nhân dân thực hiện tốt công tác DS-KHHGD. Quan tâm, ổn định cán bộ làm công tác dân số.

5. Tiếp tục phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức học tập phổ biến pháp lệnh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

6. Phối hợp với cơ quan báo chí tăng cường tuyên truyền Pháp lệnh dân số để nâng cao nhận thức cho người dân.

7. Tăng cường công tác kiểm tra đông đốc và giám sát.

8. Cần có chính sách hợp lý đảm bảo cho các hoạt động về công tác DS_KHHGD, bổ sung cho việc tăng thêm số lượng cho cộng tác viên dân số Xã, Thị trấn và nâng mức thù lao lên từ 40.000đ đến 50.000đ/người/tháng.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình có ý nghĩa và tầm quan trọng lớn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc giảm nhanh sự gia tăng dân số nhằm ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số, cơ cấu dân số, từng bước cải thiện thể chất, trí tuệ và chất lượng giống nòi, tạo ra nguồn nhân lực có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong những năm qua mặc dù là tỉnh thân canh cây lúa, có những đặc điểm khó khăn bất cập, nhưng tỉnh Hà Tĩnh đã triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu về công tác DS- KHHGD góp phần vào phát triển kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo của địa phương.

Ủy ban Dân Số, gia đình và trẻ em tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho tỉnh uỷ, UBND Tỉnh ban hành các văn bản như công văn số 1545 về phối hợp triển khai tuyên truyền pháp lệnh dân số và nghị định 104 của Chính phủ. Do vậy công tác DS -KHHGD vẫn tiếp tục được Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp và nhân dân đồng tình ủng hộ.

Ngành y tế đã từng bước được củng cố đủ khả năng triển khai thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân và dịch vụ sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, tỷ suất sinh và tỉ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm nhanh.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, vẫn còn một số điểm yếu đó là: phong trào kế hoạch hoá chưa sâu rộng, kết quả chưa vững chắc, mạng lưới tổ chức làm công tác DS-KHHGD ở cơ sở chưa ổn định và còn khó khăn về trình độ nghiệp vụ chuyên trách công tác dân số, chế độ thù lao cho đội ngũ cộng tác viên còn thấp. Hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động chưa cao, nhất là vùng xa trung tâm, vùng giáo dân, nên việc triển khai dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản - KHHGD có lúc có nơi còn chậm, trạm y tế còn thiếu trang thiết bị dụng cụ cần thiết, nhất là trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tuy giảm nhưng chưa đảm bảo tính bền vững, quy mô dân số của Tỉnh vẫn còn lớn so với bình quân cả nước.

Với những kết quả và yếu điểm trên. Công tác DS-KHHGD của Tỉnh cần phải tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ thì mới có thể đạt được các mục tiêu của chiến lược dân số Hà Tĩnh đến năm 2010. Do vậy đòi hỏi các cấp uỷ Đảng, Chính quyền các ban, ngành đoàn thể và nhân dân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu thường xuyên, liên tục, tạo ra phong trào sôi nổi và chuyển biến mạnh mẽ về công tác DS-KHHGD, giảm nhanh sự gia tăng dân số, ổn định quy mô dân số vào năm

Dịch vụ viết thuê đề tài – KB Zalo/Tele 0932.091.562 – luanvanpanda.com

2010, mới góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm đạt mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh: như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra.

Kham thảo miễn phí – Kết bạn Zalo/Tele nhé: 0917.193.864